

| | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------|--------------|
| Ngày 28/06/2024 | 34,000 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 11.0% | 22.0% | 50.3% |

| | | |
|------------|-------------|--------------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | 5.0% | +/- YoY ▲ 2.1% |

| | | | |
|-----------------|--------------|---------------------------------------|--------------------------------------|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 3,185 | QoQ ▼ 68.0 ▼ 2.1% | YoY ▼ 288 ▼ 8.3% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|-----------------|--------------|---------------------------------------|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 6,437 | YoY ▲ 650 ▲ 11.2% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|---------------|------------|--|---------------------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | 431 | QoQ ▲ 82.0 ▲ 23.4% | YoY ▼ 231 ▼ 35.0% |
| | tỷ VNĐ | | |

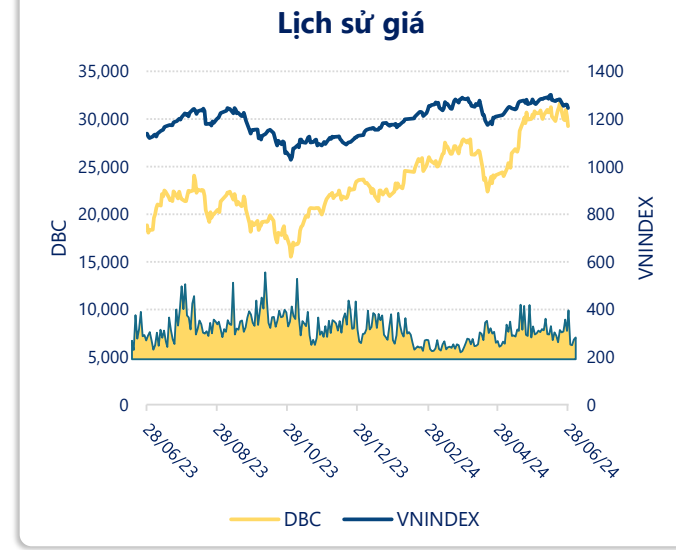
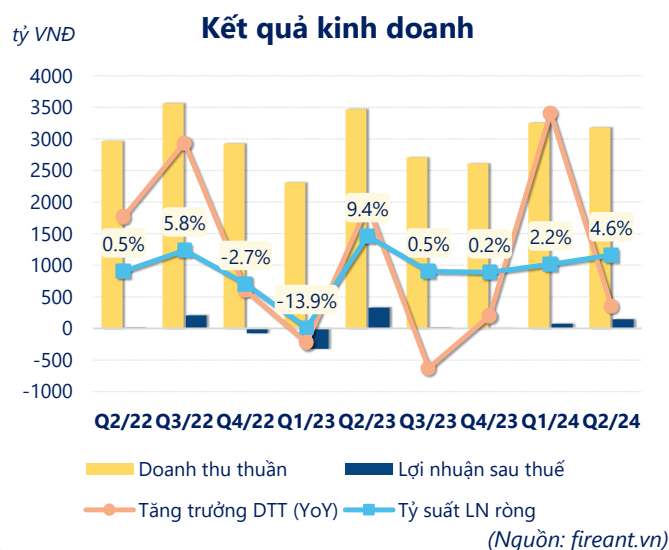
| | | |
|---------------|------------|---------------------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 779 | YoY ▲ 187 ▲ 31.7% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-----------------|------------|--|---------------------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | 149 | QoQ ▲ 50.8 ▲ 52.0% | YoY ▼ 220 ▼ 59.6% |
| | tỷ VNĐ | | |

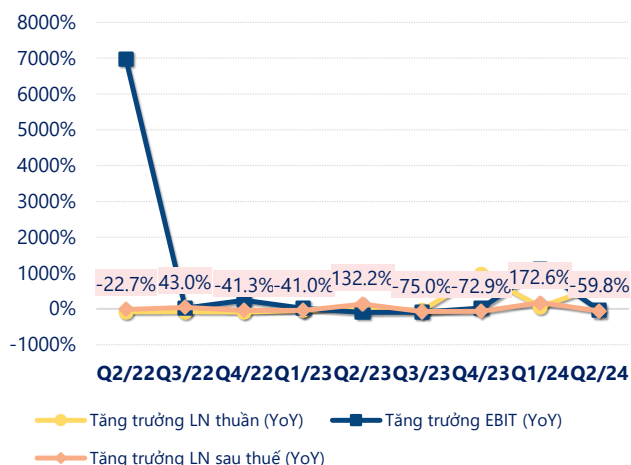
| | | |
|-----------------|------------|--------------------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | 247 | YoY ▲ 190 ▲ 333% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------------------|------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | 145 | QoQ ▲ 72.4 ▲ 100% | YoY ▼ 182 ▼ 55.5% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|--------------------|------------|---------------------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | 218 | YoY ▲ 212 ▲ 3479% |
| | tỷ VNĐ | |

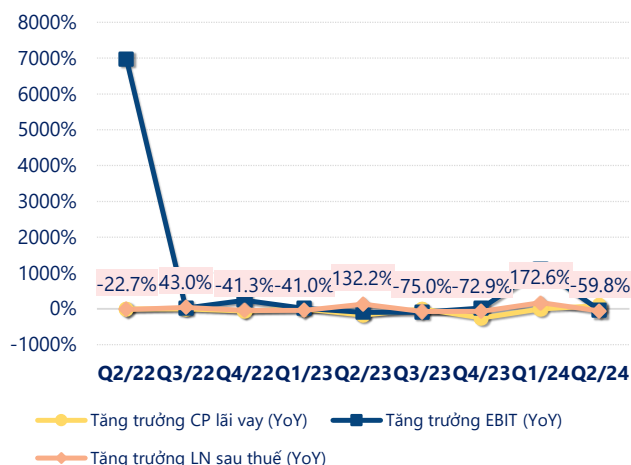


Tăng trưởng lợi nhuận



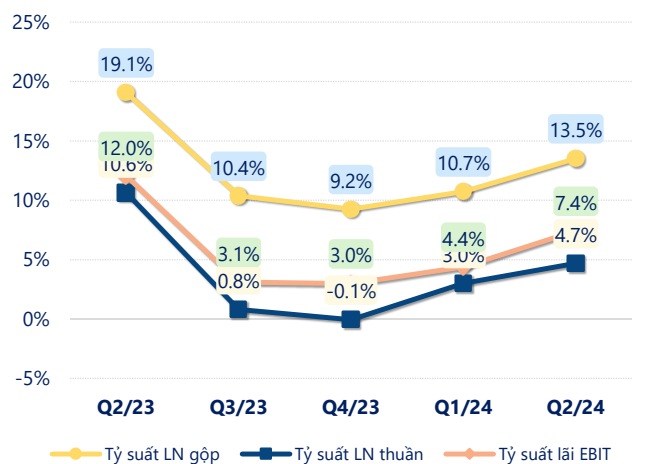
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



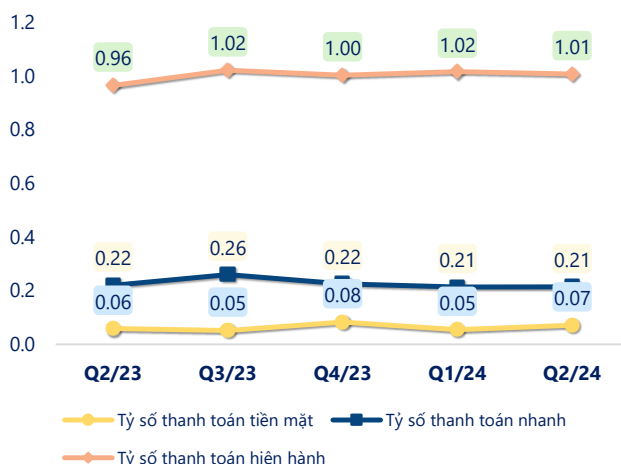
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



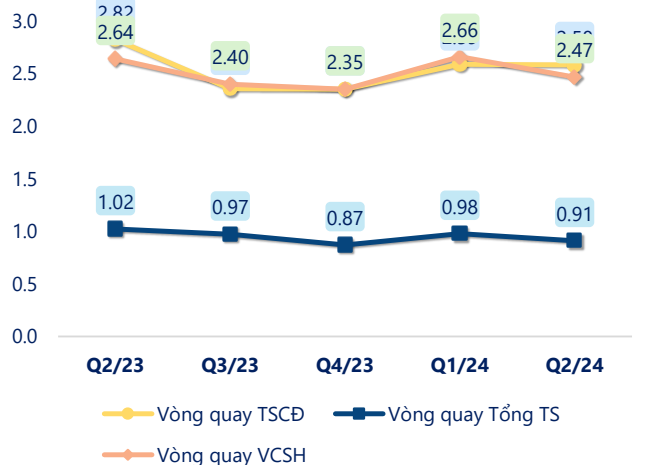
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



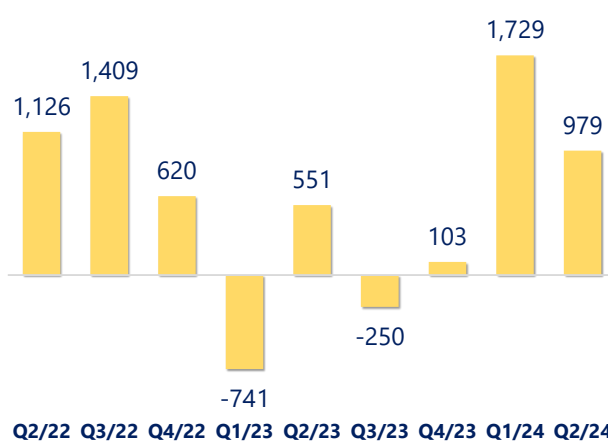
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 3,185 | 3,473 | -8.3% | 6,437 | 5,787 | 11.2% |
| Giá vốn hàng bán | 2,754 | 2,811 | -2.0% | 5,658 | 5,195 | 8.9% |
| Lợi nhuận gộp | 431 | 662 | -35.0% | 779 | 592 | 31.7% |
| Doanh thu HĐTC | 4.72 | 11.8 | -60.0% | 11.9 | 19.8 | -40.2% |
| Chi phí TC | 80.2 | 71.2 | 12.6% | 131 | 141 | -6.9% |
| Chi phí lãi vay | 79.0 | 47.7 | 65.7% | 123 | 116 | 5.3% |
| LN trong công ty LKLD | -0.32 | -3.06 | 89.5% | -0.32 | -3.06 | 89.5% |
| Chi phí bán hàng | 111 | 150 | -25.7% | 222 | 247 | -10.3% |
| Chi phí QLDN | 94.0 | 80.9 | 16.2% | 191 | 163 | 16.8% |
| LN thuần từ HĐKD | 149 | 369 | -59.6% | 247 | 57.2 | 333% |
| Lợi nhuận khác | 7.96 | 1.06 | 651% | 9.19 | 2.32 | 295% |
| LN trước thuế | 157 | 370 | -57.5% | 257 | 59.5 | 331% |
| Lợi nhuận sau thuế | 145 | 327 | -55.5% | 218 | 6.09 | 3479% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 145 | 327 | -55.5% | 218 | 6.09 | 3479% |

(Nguồn: fireant.vn)

